TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T T H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **40**/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 26 tháng 01 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 607/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1998

Địa chỉ: 19/271 Chi Lăng, phường Phú Hiệp, thành phố H, tỉnh T T H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: 2/3/273 Bùi Thị Xuân, phường Thủy Biều, thành phố H, tỉnh T T H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Minh Đ.

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về tình cảm: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Minh Đ thuận tình ly hôn nhau.

2.2.Về con chung: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Minh Đ công nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 28/02/2020. Hiện cháu Quân đang ở chị Tiên. Nay ly hôn, chị Tiên và anh Đức thỏa thuận giao cháu Quân cho chị Tiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi. Anh Đức tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với cháu Quân là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu Quân đủ 18

tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3.Về tài sản chung: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Minh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Minh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.5.Về án phí:

- Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 150.000 đồng.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Minh Đ mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nay chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình của 02 người là 150.000 đồng và số tiền án phí cấp dưỡng anh Đức phải chịu. Chị Tiên đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu số 0000847 ngày 29/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H nên nay được khấu trừ, khỏi phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H:
- Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều (số đăng ký kết hôn số 33, ngày 08/7/2020);
- Tổ Hành chính –Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ TÚ LOAN